

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/DS-ST**
Ngày 21 - 01 - 2020
V/v Tranh chấp Hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Điệp.

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thảo Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 401/2019/TLST-DS ngày 04/9/2019 về việc “*Tranh chấp Hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 439/2019/QĐXXST-DS ngày 23/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-DS ngày 08/01/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đinh Thị N, sinh năm 1958.

- *Bị đơn:* Phan Tuyết T, sinh năm 1976.

Trịnh Hoàng G, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh C .

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2019 của nguyên đơn và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên tòa, thể hiện: Tập thể Chi hội phụ nữ ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây có mở 06 dây hui loại 500.000 đồng (02 dây hui mở ngày 19/12/2017, 02 dây hui mở ngày 19/02/2018, 02 dây hui mở ngày 19/7/2018), hui 01 tháng khai 01 lần. Hui không có chủ hui, nhưng có bà Ngô Thị Đăng làm tổ trưởng, các hui viên cùng thỏa thuận việc chơi hui là khi đến ngày khai hui người nào bỏ thăm số tiền cao thì được hốt hui, việc chung tiền hui là do từng hui viên đóng lại cho

người được hốt hụi (nếu ai đã hốt thì đóng lại bằng giá hụi chết là 500.000 đồng/chung), địa điểm khui hụi là tại nhà bà T và ông G.

+ 02 dây hụi cùng ngày 19/12/2017 (01 dây có 30 chung và 01 dây có 31 chung), bà N chơi 01 dây 01 chung và 01 dây 02 chung, vợ chồng bà T và ông G chơi 01 dây 07 chung và 01 dây 05 chung đã hốt và nhận tiền hết tổng cộng 11 chung. Đến kỳ bà N được hốt hụi ở mỗi dây 01 chung thì bà T và ông G không trả tiền hụi chết 500.000 đồng X 11 chung = 5.500.000 đồng.

+ 02 dây hụi cùng ngày 19/02/2018 (01 dây có 32 chung và 01 dây có 33 chung), bà N chơi 01 dây 01 chung và 01 dây 02 chung, vợ chồng bà T và ông G chơi 01 dây 05 chung và 01 dây 04 chung đã hốt và nhận tiền hết tổng cộng 09 chung. Đến kỳ bà N được hốt hụi ở mỗi dây 01 chung thì bà T và ông G không trả tiền hụi chết 500.000 đồng X 09 chung = 4.500.000 đồng.

+ 02 dây hụi cùng ngày 19/7/2018 (02 dây đều có 34 chung), bà N chơi mỗi dây 01 chung, vợ chồng bà T và ông G chơi 01 dây 05 chung và 01 dây 06 chung đã hốt và nhận tiền hết tổng cộng 06 chung (mỗi dây hốt 03 chung). Đến kỳ bà N được hốt hụi của 02 dây hụi thì bà T và ông G không trả tiền hụi chết 500.000 đồng X 06 chung = 3.000.000 đồng.

Do ông G và bà T đã vi phạm thỏa thuận nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà N, nay bà N yêu cầu bà T và ông G trả tổng số tiền hụi là 13.000.000 đồng.

- **Đối với bị đơn:** Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (bà T có mặt vào ngày 25/9/2019) và 02 lần để xét xử, nhưng những bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

- **Lời trình bày của các bà Lê Ngọc K, Võ Bích P, Võ Thị N, Đoàn Tuyết E tại biên bản làm việc ngày 16/12/2019, thể hiện:** Bà K, bà P, bà N, bà E là hội viên của chi hội phụ nữ ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây và có tham gia chơi hụi chung với bà N và bà T. Tổ phụ nữ do bà Ngô Thị Đ làm tổ trưởng, chi hội họp vào ngày 19 hàng tháng, trong nội bộ chi hội có tổ chức việc chơi hụi (hùn vốn) nhằm tương trợ đồng vốn. Hình thức và cách thức chơi là ngày 19 hàng tháng họp tổ phụ nữ rồi bỏ thăm, ai bỏ trúng thăm thì những thành viên khác trong tổ phải đưa tiền cho người trúng thăm tương đương với số chung tham gia chơi. Tổ phụ nữ ấp Cơi 6A, xã Khánh Bình Tây có mở tổng cộng 06 dây hụi loại 500.000 đồng (02 dây hụi mở ngày 19/12/2017, 02 dây hụi mở ngày 19/02/2018, 02 dây hụi mở ngày 19/7/2018). Các bà đều xác định 02 dây hụi khui ngày 19/12/2017 bà N tham gia chơi 01 dây 01 chung và 01 dây 02 chung, còn bà T chơi 01 dây 05 chung và 01 dây 07 chung, 02 dây hụi này bà T đã hốt hết 11 chung (01 dây 05 chung, 01 dây 06 chung). 02 dây hụi khui ngày 19/02/2018 bà N tham gia chơi 01 dây 01 chung và 01 dây 02 chung, còn bà T chơi 01 dây 04 chung và 01 dây 05 chung, 02 dây hụi này bà T đã hốt hết 09 chung. 02 dây hụi khui ngày 19/7/2018 bà N tham gia chơi mỗi dây 01 chung, còn bà T chơi 01 dây 05 chung và 01 dây 06 chung, 02 dây hụi này bà T đã hốt hết 06 chung chung (mỗi dây hốt 03 chung). Ngoài ra, theo các bà hiểu biết thì số tiền hốt hụi từ tổ hùn vốn thì bà T đem về sử dụng chung trong gia đình và làm kinh tế gia đình như trồng trọt và chăn nuôi.

- **Đối với bà Ngô Thị Đ:** Tòa án đã xuống địa phương vào các ngày 09/12/2019 và 16//12/2019 để liên hệ xác minh đối với bà Đăng về việc chơi hội, nhưng bà Đăng thường xuyên vắng mặt ở nhà không rõ đi đâu, nên không tiến hành xác minh được.

- **Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu:**

Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký tiến hành đúng theo trình tự quy định của Pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Thực tế việc bà N với bà T và ông G có tham gia chơi hội với nhau là có xảy ra. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, mặc dù bị đơn không có ý kiến, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thì có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 13.000.000 đồng. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hội, nên thực hiện quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán nợ hội và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp Hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Qua làm việc và xác minh với các người làm chứng như bà K, P, N, E là những người tham gia sinh hoạt tại chi hội phụ nữ ấp Cơi 6A và tham gia chơi hội cùng với bà N và bà T, thì những người này đều xác định chi hội phụ nữ ấp Cơi 6A có tổ chức mở 06 hội (hùn vốn). Lời khai của những người này là trùng khớp với lời trình bày của bà N về thời gian mở hội, số đây hội, loại hội, hình thức chơi hội và số chung hội mà bà N và bà T tham gia chơi, đồng thời xác định khi đến kỳ họp hàng tháng bà N bỏ thăm trúng được hốt hội nhưng bà T không giao tiền hội như thỏa thuận cho bà N. Ngoài

ra, các danh sách hội do bà N cung cấp có thể hiện tên bà Phan Tuyết T ở từng dãy hội và số chung hội bà T tham gia chơi cụ thể. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà T và ông G nhưng không nhận được ý kiến và tài liệu, chứng cứ gì của bà T và ông G cung cấp để phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở để chứng minh bà T còn nợ tiền hội của bà N theo như bà N trình bày. Đối với ông Trịnh Hoàng G không có trực tiếp tham gia chơi hội, nhưng các người làm chứng đều xác định bà T hốt hội được thì dùng tiền để sử dụng và làm kinh tế gia đình, và anh G cũng biết được việc chị T chơi hội do chị hội phụ nữ mở, do đó cần buộc bà T và ông G thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà N là phù hợp với Điều 288 Bộ luật dân sự.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 13.000.000 đồng là đúng theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn; đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận và thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 16, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đinh Thị N. Buộc bị đơn Phan Tuyết T và Trịnh Hoàng G có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Đinh Thị N số tiền **13.000.000** đồng (Mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy

định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Phan Tuyết T, Trịnh Hoàng G phải nộp là 650.000 đồng.
- Nguyên đơn Đinh Thị N thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí theo quy định.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Từ Thanh Nhung